

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 32/2024/DS-ST

Ngày: 18-6-2024

V/v: Tranh chấp về yêu cầu
phân chia tài sản chung để
thi hành án

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Thắng;

Ông Phạm Tấn Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023 về “Tranh chấp về yêu cầu phân chia tài sản chung để thi hành án” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đậu Văn C, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp H, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương – là người đại diện theo ủy quyền; có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lý Ngọc L1, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

+ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: đường N, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thanh S, chức vụ: Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng - là người đại diện theo ủy quyền. (Quyết định ủy quyền số 01/QĐ-CCTHADS ngày 24/10/2023); vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đậu Văn C trình bày:

Căn cứ Quyết định thi hành án số 2448/QĐ-CCTHADS ngày 03 tháng 09 năm 2013; số 147/QĐ-CCTHADS ngày 16 tháng 11 năm 2015; số 289/QĐ-CCTHADS ngày 06 tháng 01 năm 2016; số 71/QĐ-CCTHADS và số 73/QĐ-CCTHADS cùng ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Theo các Quyết định nêu trên thì bà Nguyễn Thị D phải có trách nhiệm thanh toán cho bà L số tiền là 700.000.000 đồng và lãi suất chậm thi hành án nhưng bà D không thực hiện thi hành để thanh toán tiền cho tôi. Qua xác minh của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng thì hiện nay bà Nguyễn Thị D và ông Lý Ngọc L1 (chồng bà D) có quyền sử dụng đất diện tích 1594 m² và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 860, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 629808, số cấp giấy chứng nhận CH 00805 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 18/5/2010 cho bà Nguyễn Thị D.

Vì vậy bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng bà Nguyễn Thị D và ông Lý Ngọc L1 là phần đất diện tích 1.594 m² và tài sản gắn liền trên đất theo thửa đất số 860, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 629808, số vào sổ CH00805 do UBND huyện B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/5/2010 cho bà Nguyễn Thị D. Cụ thể bà Nguyễn Thị D được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất là 797 m² và sở hữu $\frac{1}{2}$ tài sản gắn liền với đất, ông Lý Ngọc L1 được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất là 797 m² và sở hữu $\frac{1}{2}$ tài sản gắn liền với đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng ông Trần Thanh S trình bày:

Đề nghị Tòa án giải quyết phân chia phần tài sản của vợ chồng bà Nguyễn Thị D và ông Lý Ngọc L1 là phần đất diện tích 1.594 m² và tài sản gắn liền trên đất theo thửa đất số 860, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 629808, số vào sổ CH00805 do UBND huyện B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/5/2010 cho bà Nguyễn Thị D theo quy định pháp luật để Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng tiến hành thi hành án.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng bà Nguyễn Thị D và ông Lý Ngọc L1 là phần đất diện tích 1.594 m² và tài sản gắn liền trên đất theo thửa đất số 860, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 629808, số vào sổ CH00805 do UBND huyện B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/5/2010 cho bà Nguyễn Thị D theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị D phân chia phần tài sản chung với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lý Ngọc L1 để bà D thực hiện nghĩa vụ thi hành án với bà L. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp về yêu cầu phân chia tài sản chung để thi hành án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Thị D có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng bà Nguyễn Thị D và ông Lý Ngọc L1 là phần đất diện tích 1.594 m² và tài sản gắn liền trên đất theo thửa đất số 860, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 629808, số vào sổ CH00805 do UBND huyện B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/5/2010 cho bà Nguyễn Thị D theo quy định pháp luật. Xét thấy, yêu cầu này là ý chí tự nguyện của nguyên đơn phù hợp theo quy định tại các Điều 243 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Căn cứ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 37/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương và Quyết định thi hành án số 73/QĐ-CCTHADS ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Theo các Quyết định nêu trên thì bà Nguyễn Thị D phải có trách nhiệm thanh toán cho bà L số tiền là 700.000.000 đồng và lãi suất chậm thi hành án nhưng bà D không thực hiện. Căn cứ hồ sơ sao lục tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B thể hiện bà Nguyễn Thị D hiện đang đứng tên sử dụng phần đất thuộc thửa đất số 860, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 629808, số cấp giấy chứng nhận CH 00805 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 18/5/2010. Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sao lục tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B thể hiện phần đất này do bà Đặng Thị H (mẹ bà Nguyễn Thị D) tặng cho riêng bà D và bà D được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 629808, số cấp giấy chứng nhận CH 00805 ngày 18/5/2010 vì vậy có cơ sở xác định phần đất này là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị D theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và G.

[5] Căn cứ Biên bản đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/11/2023 và Biên bản định giá ngày 21/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng thể hiện trên đất có các tài sản gồm: 01 căn nhà cấp 4 trị giá 267.300.000 đồng, 01 hàng rào lưới B40 trị giá 2.599.600 đồng, 02 trụ cổng trị giá 471.200 đồng, 01 chuồng heo trị giá 18.432.000 đồng, 01 cây dừa trị giá 110.000 đồng, 01 cây mận trị giá 182.000 đồng, 01 cây xoài trị giá 549.000 đồng, 06 cây mai trị giá 3.294.000 đồng, 33 cây cao su trị giá 14.539.000 đồng, 10 bụi tre trị giá 4.930.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là 312.406.800 đồng. Qua xác minh tại địa phương xác định ông L, bà D là vợ chồng, hiện đang sinh sống trong căn nhà trên đất và đang sử dụng, thu hoa lợi tức từ các cây trồng, công trình xây dựng trên đất từ khoảng hơn 10 năm trước vì vậy có cơ sở xác định các tài sản trên đất là tài sản chung của vợ chồng ông L, bà D theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy Hội đồng xét xử nhận thấy cần tiến hành phân chia phần tài sản này để Chi cục thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng tiến hành kê biên phần tài sản của bà D để thi hành án cho bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 36 và khoản 1 Điều 45 Luật thi hành án dân sự.

[6] Tài sản chung của ông L, bà D được phân chia như sau:

[6.1] Bà Nguyễn Thị D được quyền quản lý sử dụng các tài sản trên đất gồm 01 căn nhà cấp 4, 01 hàng rào lưới B40, 02 trụ cổng, 01 chuồng heo, 01 cây dừa, 01 cây mận, 01 cây xoài, 06 cây mai, 33 cây cao su, 10 bụi tre.

[6.2] Bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ bồi hoàn $\frac{1}{2}$ giá trị các tài sản chung trên đất cho ông Lý Ngọc L1 tương đương số tiền là 156.203.400 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[7] Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng là có cơ sở chấp nhận.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[9] Về chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lý Ngọc L1 phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 4.232.843 đồng (bốn triệu hai trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi ba đồng).

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lý Ngọc L1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 108, Điều 109, Điều 163, Điều 165, Điều 182, Điều 184, Điều 192, Điều 195, Điều 197, Điều 205, Điều 207 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Khoản 1 Điều 36 và Khoản 1 Điều 45 Luật thi hành án dân sự;

Các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 243, Điều 244, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn bà Nguyễn Thị D.

1.1. Tuyên bố phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 629808, số cấp giấy chứng nhận CH 00805 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/5/2010 cho bà Nguyễn Thị D là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị D. Phần đất có tứ cận như sau:

- Phía Bắc: Giáp thửa đất số 859 và đường đất.
- Phía Đông: Giáp đường nhựa.
- Phía Tây: Giáp thửa đất số 898.
- Phía Nam: Giáp thửa đất số 498.

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

1.2. Bà Nguyễn Thị D được quyền quản lý, sử dụng các tài sản trên phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 629808, số cấp giấy chứng nhận CH 00805 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/5/2010 cho bà Nguyễn Thị D gồm: 01 căn nhà cấp 4, 01 hàng rào lưới B40, 02 trụ công, 01 chuồng heo, 01 cây dừa, 01 cây mận, 01 cây xoài, 06 cây mai, 33 cây cao su, 10 bụi tre.

1.3. Bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lý Ngọc L1 $\frac{1}{2}$ giá trị các tài sản chung số tiền là 156.203.400 đồng (một trăm năm mươi sáu triệu hai trăm lẻ ba nghìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị D, ông Lý Ngọc L1 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 4.232.843 đồng (bốn triệu hai trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi ba đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0010224 ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Bà Nguyễn Thị D phải chịu số tiền 7.810.179 đồng (bảy triệu tám trăm mười nghìn một trăm bảy mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lý Ngọc L1 phải chịu số tiền 7.810.179 đồng (bảy triệu tám trăm mười nghìn một trăm bảy mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Anh Duy